TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 811/2022/DS-PT.
Ngày 22-12-2022
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Mỹ Tiên

Bà Phạm Thị Kim

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Bích Lương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày ngày 22/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 280/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp đòi tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Toà án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5748/2022/QĐPT- DS ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định hoãn phiên tòa số 15655/2022/QĐPT - DS ngày 30/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Hoàng O, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số B2.07.05 Khu nhà ở cao tầng, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Thành T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Phòng B406 Chung cư 21 tầng đường T.V.B, Phường B, Thành phố V, Tỉnh Q (theo Giấy ủy quyền số công chứng 13888, quyển số 12/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V.K.Q lập ngày 29/12/2021) (có mặt),

- *Bị đơn:* Ông Lương Hồng K, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 68, đường N.T, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền có Ông Vũ Anh T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 257/8/6, đường N,T,T, phường E, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 000613, quyển số 03/2022TP/CC – SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N.H.H lập ngày 02/3/2022) (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lương Hồng K1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 68, đường N.T, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Người kháng cáo: Ông Lương Hồng K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng O trình bày:*

Vào ngày 24/8/2016, cha bà là ông Đinh Văn H có cho bà và chồng bà là ông Lương Hồng K1 số tiền 8.000.000.000 đồng. Số tiền này được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân của hai vợ chồng. Số tiền tặng cho nêu trên được ông H chuyển vào tài khoản ngân hàng số 3301000043659000 của ông Lương Hồng K (cha của ông K1) mở tại Ngân hàng A - chi nhánh Sài Gòn, với nội dung chuyển khoản: "Bố mẹ Đinh Văn H - Nguyễn Thị T2 cho tặng hai con Lương Hồng K1 - Đinh Thị Hoàng O" theo Ủy nhiệm chi ngày 24/8/2016, số CT 22 của Ngân hàng X - Phòng giao dịch Tên Lửa. Sau đó, vào ngày 08/4/2019, bà và ông K1 thuận tình ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K trả lại bà số tiền 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) mà ông H đã tặng cho bà và ông K1.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lương Hồng K trình bày:*

Ngày 01/10/2014 ông đã kết sui gia với ông H, cư ngụ tại quận Tân Bình, con trai ông là K1 kết hôn với con gái ông H là O. Ngày 24/9/2015, O sinh đứa cháu trai là Lương Hồng Đ, năm 2016, vợ chồng K1 - O làm giấy tờ đi du học Canada. Ông H thì không muốn gia đình đi Canada vì bên đó lạnh lẽo, nên đề nghị với ông là ông H sẽ cho vợ chồng K1 O 8.000.000.000 đồng và đề nghị ông góp thêm phần tiền còn lại cho đủ 550.000 USD và các chi phí khác liên quan để gia đình K1 O và cháu Đức đầu tư chương trình EB - 5 của chính phủ Hoa Kỳ để được định cư lấy thẻ xanh tại Hoa Kỳ sẽ tốt hơn. Ông đã đồng ý với đề nghị của ông H, ông đã mở hồ sơ tài khoản ở Ngân Hàng A vào năm 2016, ông H chuyển khoản vào tài khoản của ông 8.000.000.000 đồng để cho K1 - O ký hợp đồng với Công ty tư vấn USIS để xúc tiến làm hồ sơ và phương án chứng minh tài chính, ông đã gửi vào Ngân hàng A số tiền 5.100.000.000 đồng. Phía chính phủ Hoa Kỳ yêu cầu phải chứng minh nguồn tiền đầu tư là hợp pháp và có nguồn gốc nên số tiền của ông và ông H rất khó để chứng minh. Vì thế, ông phải cầm cố căn nhà của ông tại địa chỉ số 49

đường N.V.L, Phường N, Quận S và sổ tiết kiệm 13.100.000.000 đồng cho Ngân Hàng A để vay 12.500.000.000 đồng tương đương 550.000 USD để chứng minh nguồn tiền.

Sau khi Ngân hàng A giải ngân thì vợ chồng ông chuyển tiền cho K1. Vì chương trình EB5 chỉ cần một người đứng tên chính và gia đình sẽ đi theo nên cả nhà quyết định K1 sẽ đứng tên chính trong hồ sơ. Và trong hồ sơ EB5 luật sư gửi cho Sở Di Trú Mỹ có tên O, cháu Đức, K1 - O đã chuyển số tiền 550.000 USD, tương đương 12.301.000.000 đồng qua dự án bên Mỹ thông qua Công ty thứ 3. Hồ sơ của gia đình K1, O được Sở Di Trú Mỹ xác nhận vào tháng 9/2016. Và dự án đã xác nhận là đã nhận được tiền. Năm 2019, O nộp đơn và cương quyết ly hôn với K1 và Tòa án đã chấp nhận đơn ly hôn mặc cho K1 đã cố gắng níu kéo nhưng cuối cùng không thể. Sau khi có bản án ly hôn vài tháng thì ông H yêu cầu ông trả lại 8.000.000.000 đồng.

Ông đã đến nhà nói chuyện với vợ chồng ông H là ông đã làm theo đề nghị của ông H và khẳng định ông đã chuyển số tiền 8.000.000.000 đồng cho K1 O và ông đã phải cầm cố căn nhà để chứng minh nguồn tiền 12.500.000.000 đồng và góp vào 5.100.000.000 đồng, chứ 8.000.000.000 đồng ông H cho K1 O không thể chứng minh cho Sở Di Trú Mỹ. Ông cũng đã gửi sổ tiết kiệm 13.100.000.000 đồng và giấy tờ nhà ông cho Ngân hàng A giữ. Mọi việc đang diễn ra suôn sẻ nhưng O đòi ly hôn và bỏ dở chuyện định cư là nằm ngoài ý định của ông và ông rất đau lòng. Phần tiền 8.000.000.000 đồng của ông H ông đã trao lại cho vợ chồng K1 O nên ông không nợ ông H gì cả. Sau đó ông đã cùng O đến Công ty tư vấn USIS đề nghị hủy bỏ chương trình và xin rút lại tiền nhưng không được. O cũng đã gửi email cho luật sư dự án đề nghị hủy và xin rút tiền lại nhưng luật sư đã trả lời là không được. Ông đề nghị với ông H là sau này khi hồ sơ được duyệt, K1 sang Mỹ và dự án hoàn tiền lại theo tiến độ thì K1 sẽ ưu tiên trả cho gia đình ông H theo tiến độ mà dự án trả lại. Riêng ông đã cầm cố căn nhà trong 4 năm (từ 2016 đến 2020), và đã thanh lý hợp đồng cầm cố nhà cuối năm 2020. Từ những lý do trên ông không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Hồng K1 trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của ông K, ngoài ra ông bổ sung là khi nào dự án trả lại tiền cho ông thì ông sẽ trả bà O số tiền 4.000.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà O vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Số tiền bà O yêu cầu ông K trả lại là do ông H chuyển tiền cho ông K để ông K đưa lại cho bà O ông K1. Ông T cũng trình bày lý do ông H cho tiền là để bà O ông K1 mang sang Mỹ mua nhà. Ông T thừa nhận lời nói trong đoạn ghi âm Ông T1 xuất trình là của ông H, tuy nhiên

nội dung là cuộc trao đổi bàn bạc giữa ông H, ông K để hỗ trợ bà O ông K1 sang Mỹ định cư.

Ông T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông K không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của bà O vì ông K không nợ nần gì bà O, sau khi ông H chuyển tiền cho ông K thì ông K đã bỏ thêm tiền để cho ông K1, bà O đầu tư dự án EB5. Số tiền 8.000.000.000 đồng đã nằm trong số tiền 12.500.000.000 đồng tương đương 550.000 USD mà bà O, ông K1 đã đầu tư dự án EB5. Ngoài ra, Ông T1 cũng xuất trình đoạn ghi âm thể hiện ông H bàn bạc với ông K về việc cùng nhau hỗ trợ cho ông K1, bà O sang Mỹ. Đó cũng là lý do ông H chuyển cho ông K số tiền 8.000.000.000 đồng. Bà O, ông H đều đồng ý triển khai việc đầu tư qua Mỹ thông qua chương trình EB5, vì bà O làm việc tại công ty USIS (Chức năng tư vấn đầu tư dự án bên Mỹ, công ty thành lập và hoạt động tại việt nam), bà O thường xuyên trao đổi Email với luật sư bên Mỹ, bà O đã từng viết Email đề nghị hủy bỏ việc đầu tư nhưng chủ đầu tư trả lời Email không đồng ý. Từ những trình bày nêu trên để khẳng định ông K chỉ hỗ trợ thực hiện theo yêu cầu của ông H, ông K hoàn toàn không giữ một đồng nào từ số tiền 8.000.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Hồng K1 trình bày: Số tiền đã được đầu tư tại dự án EB5, nếu bà O muốn đòi thì bà O phải đợi đến khi nào chủ đầu tư dự án EB5 trả lại số tiền trên thì ông K1 mới trả lại bà O được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Toà án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Hoàng O.

Buộc ông Lương Hồng K trả lại bà O số tiền 4.000.000.000 (Bốn tỷ không trăm triệu) đồng. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000 đồng ông K phải chịu. Bà O phải chịu án phí 112.000.000 đồng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0047382 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, bà O còn phải nộp bổ sung số tiền 107.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự;

Ngày 20/4/2020, bị đơn ông Lương Hồng K có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ Bản án sơ dân sự sơ thẩm số 191/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Toà án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử.

** Tại phiên toà phúc thẩm:*

Nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng O có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Thành T; bị đơn ông Lương Hồng K có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Anh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Hồng K1, cùng thống nhất và thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ kiện như sau:

Bị đơn ông Lương Hồng K đồng ý trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng O tổng cộng số tiền là 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán toàn bộ số tiền trên được ấn định như sau:

- Trong thời hạn từ ngày 22/12/2022 đến hết ngày 22/01/2023 ông Lương Hồng K trả cho bà Đinh Thị Hoàng O số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

- Trong thời hạn từ ngày 23/01/2023 đến hết ngày 22/3/2023 ông Lương Hồng K trả cho bà Đinh Thị Hoàng O số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

- Trong thời hạn từ ngày 23/03/2023 đến hết ngày 22/6/2023 ông Lương Hồng K trả cho bà Đinh Thị Hoàng O số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng).

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:*

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

1.1 Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua việc kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

- Tòa án có thông bảo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng quy định tại điều 285 Bộ luật TTDS.

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đúng thời hạn quy định tại khoản 1 điều 286 Bộ luật TTDS.

- Hồ sơ vụ án cũng đã được chuyển cho VKS cùng cấp nghiên cứu theo quy định tại điều 292 Bộ luật TTDS.

1.2 Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng :

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70, điều 71, điều 72, điều 73, điều 86 Bộ luật TTDS 2015.

- Xét hình thức kháng cáo:

Ngày 20/6/2022, Tòa án nhân dân quận G xét xử bản án dân sự sơ thẩm số 191/2022/DS-ST, nguyên đơn và bị đơn có mặt; Ngày 05/7/2022, ông Lương Hồng K là bị đơn có đơn kháng cáo bản án trên đến Tòa án nhân dân quận G.

Căn cứ khoản Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 kháng cáo còn trong thời hạn luật định.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án như sau :

+ Bị đơn ông Lương Hồng K đồng ý giao cho nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng O số tiền: 3,5 tỷ đồng.

+ Thời gian giao nhận số tiền là 06 tháng chia làm 3 lần như sau:

Lần I ngày 22/01/2023 giao 1 tỷ; Lần II ngày 22/2/2023 giao 1 tỷ; Lần III ngày 22/6/2023 giao 1,5 tỷ. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Xét thấy việc các đương sự thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án, không trái quy định pháp luật; phù hợp đạo đức xã hội nên chấp nhận việc tự thỏa thuận trên.

Bởi các lẽ trên:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật TTDS

* Đề nghị HĐXX: Công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên Tòa phúc thẩm ngày hôm nay.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lương Hồng K đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ. Người tham gia tố tụng trong vụ án đã được tống đạt các văn bản tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án được xác định đúng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng O có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Thành T; bị đơn ông Lương Hồng K có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Anh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Hồng K1, cùng thống nhất và thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Bị đơn ông Lương Hồng K đồng ý trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng O tổng cộng số tiền là 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) thời hạn thanh toán toàn bộ số tiền trên được ấn định như sau:

- Trong thời hạn từ ngày 22/12/2022 đến hết ngày 22/01/2023 ông Lương Hồng K trả cho bà Đinh Thị Hoàng O số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

- Trong thời hạn từ ngày 23/01/2023 đến hết ngày 22/3/2023 ông Lương Hồng K trả cho bà Đinh Thị Hoàng O số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

- Trong thời hạn từ ngày 23/03/2023 đến hết ngày 22/6/2023 ông Lương Hồng K trả cho bà Đinh Thị Hoàng O số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng).

[3] Xét thấy, sự thoả thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự về việc thoả thuận như trên. Do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự: Do các bên đã thỏa thuận được toàn bộ về việc giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự về việc thoả thuận như trên nên căn cứ khoản 5, điều 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, phía bị đơn ông Lương Hồng K sinh năm 1950 và có Đơn xin miễn giảm án phí nên thuộc diện được xem xét miễn án phí theo quy định của Luật Người cao tuổi, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị Hoàng O và ông Lương Hồng K không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định Luật người cao tuổi; khoản 5, điều 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí DSST cho bà Đinh Thị Hoàng O.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Người cao tuổi năm 2009;

- Căn cứ khoản 5, điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án sơ dân sự sơ thẩm số 191/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Toà án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Bị đơn ông Lương Hồng K đồng ý trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng O tổng cộng số tiền là 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán toàn bộ số tiền trên được ấn định như sau:

- Trong thời hạn từ ngày 22/12/2022 đến hết ngày 22/01/2023 ông Lương Hồng K trả cho bà Đinh Thị Hoàng O số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

- Trong thời hạn từ ngày 23/01/2023 đến hết ngày 22/3/2023 ông Lương Hồng K trả cho bà Đinh Thị Hoàng O số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

- Trong thời hạn từ ngày 23/03/2023 đến hết ngày 22/6/2023 ông Lương Hồng K trả cho bà Đinh Thị Hoàng O số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Đinh Thị Hoàng O và ông Lương Hồng K không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Lương Hồng K số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2021/0048867 ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G - TP.HCM. Hoàn lại cho bà Đinh Thị Hoàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0047382 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G - TP.HCM.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND quận G, Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận G, Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận G, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Hương